

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST.  
Ngày: 11-5-2023.  
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung và ông Phạm Văn Huynh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 844/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 544/2023/TB-TA ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1989; Hộ khẩu thường trú: Số nhà 750, tổ 7, ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai; Ở hiện nay: Số nhà 58, ấp 1, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số nhà 750, tổ 7, ấp Cẩm Đ, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Bích L trình bày:*

Chị Trần Thị Bích L và anh Nguyễn Minh T về chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012, quyền số 01/2011. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong suốt thời gian chung sống vợ chồng anh chị luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau và không thể hoà giải được từ đó vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân hơn một năm nay, từ khi sống ly thân do mâu thuẫn trầm trọng nên không thể hàn gắn đoàn tụ, không quan tâm gì lẫn nhau. Nay chị xác

định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn , sinh ngày 30/7/2013. Sau khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu K, tạm thời chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Theo lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:*

Anh Thống nhất quá trình đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian ly thân như chị L trình bày là đúng.

Nay anh cũng xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh ngày càng trầm trọng khó hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị L, do anh còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 30/7/2013. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh cũng xác định chị L có đủ các điều kiện nuôi dưỡng cháu K.

- Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Minh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

Về hôn nhân: Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 30/7/2013. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, tạm thời không yêu cầu anh T trực tiếp nuôi con, anh T đồng ý theo yêu cầu về con chung của chị L, tại lời khai của cháu K thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp chị L và anh T ly hôn. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các đương sự.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Minh T, địa chỉ: Số nhà 750, tổ 7, ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị L và bị đơn anh T vắng mặt tại phiên toà nhưng đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

### [2] Về nội dung vụ án:

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Đường, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 98/2012, quyền số 01/2011 ngày 24/3/2012 theo đúng quy định tại các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

### **2.2.** Xét yêu cầu ly hôn của chị L:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L, anh T đều thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ hơn một năm nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị L kiên quyết ly hôn, còn anh T không đồng ý ly hôn do anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh T là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị L về việc xin ly hôn với anh T là có cơ sở để chấp nhận.

**2.3.** Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 30/7/2013. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K sau khi ly hôn và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại lời khai của anh T, nếu Toà án giải quyết ly hôn thì về quyền nuôi dưỡng đối với cháu K thì anh đồng ý cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Tại lời khai của cháu K thì nếu Toà án giải quyết cho chị L, anh T ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống chung với chị L. Anh T và chị L đều xác định chị L có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi

dưỡng con chung. Do đó, xét cần giao con chung là cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

**2.4.** Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**2.5.** Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích L về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Bích L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 30/7/2013. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0006368 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Bích L, anh Nguyễn Minh T được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Cẩm Đường,  
huyện Long Thành, tỉnh Đồng  
Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện  
Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND Phường 8, thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**

